

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 5-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Thị Châu

2/ ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 376/2018/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX- ST ngày 17 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Hồng T** - sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Bùi Công N** - sinh năm 1982

Nơi cư trú: Số nhà 315, khu 4, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(chị T có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn được UBND xã H, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2009.

Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do anh N thường xuyên nhậu nhẹt và kiếm chuyện gây gổ, đánh đập chị. Ngoài ra, anh N còn có tính

ghen tuông vô cớ, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không tìm được tiếng nói chung với nhau. Anh N làm thợ hồ công việc và thu nhập ổn định nhưng anh không phụ giúp về kinh tế cho chị trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Đến tháng 9/2018 thì chị T và cháu Q về nhà mẹ ruột của chị T sống tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai từ đó cho đến nay.

Tại tòa, chị T xác định, không còn tình cảm với anh N, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Công N.

- **Về con chung:** Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Bùi Võ Q – sinh ngày 26/10/2009.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang đi làm công nhân tại khu công nghiệp B, huyện T thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.500.000đ (tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Do vậy, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị Võ Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Công N trình bày:

Bị đơn anh Bùi Công N không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai, cũng như biên bản ghi lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

+ Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đã đến tòa làm việc và cung cấp lời khai, chứng cứ đầy đủ. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không đến tòa án làm việc;

+ Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung, đề nghị HĐXX tạm giao cháu Bùi Võ Q – sinh ngày 26/10/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, chị T phải nộp tiền án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi công N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2009, hôn nhân của chị T và anh N phù hợp với các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị T giữ N ý kiến xin được ly hôn với anh Bùi Công N.

Xét, yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh N thì thấy: Chị T thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, N nhân là do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không chí thú làm ăn để phát triển kinh tế gia đình giữa vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau. Vì vậy, từ tháng 9/2018 đến nay chị T và anh N không sống chung với nhau. Chị T về sống với mẹ của chị T ấp B, xã T, huyện T, Không ai quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống, kinh tế riêng biệt, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Lời trình bày của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng (BL 27).

Tại tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh N, khả năng đoàn tụ gia đình là không có.

Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án làm việc để hòa giải và tìm ra các giải pháp để cải thiện tình cảm giữa anh và chị T nhưng anh N cố tình không đến Tòa án làm việc và tại các buổi hòa giải anh N đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hồng T.

[2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Bùi Võ Q – sinh ngày 26/10/2009.

Để ổn định cuộc sống của con trẻ cũng như nguyện vọng và mong muốn của các con chung thì thấy: Hiện cháu Q đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do vậy, cần giao cháu Q cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị T chưa yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung: Chị Võ Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Hồng T và anh Bùi Công N được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Bùi Võ Q – sinh ngày 26/10/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...

- *Về tài sản:* Chị Võ Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, Tòa án không giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Võ Thị Hồng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 001509 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí. Chị Võ Thị Hồng T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã Hưng Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu